

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2009
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂY GIANG
(Ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-UBND
ngày 19/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Nam)

I- Bảng giá chuẩn đất nông nghiệp:

1- Giá đất trồng cây hằng năm:

ĐVT: đồng/m²

Vị trí	Đơn giá
1	10.000
2	7.000
3	5.000
4	3.000
5	2.000

2- Giá đất trồng cây lâu năm:

ĐVT: đồng/m²

Vị trí	Đơn giá
1	4.000
2	2.500
3	1.500
4	1.000
5	800

3- Giá đất rừng trồng sản xuất:

ĐVT: đồng/m²

Vị trí	Đơn giá
1	4.000
2	2.500
3	1.500
4	1.000
5	800

4- Giá đất nuôi trồng thủy sản:

ĐVT: đồng/m²

Vị trí	Đơn giá
1	10.000
2	7.000
3	5.000
4	3.000

II- Bảng giá đất ở:

1- Bảng giá đất ở nông thôn:

1.1- Bảng giá đất chuẩn:

 ĐVT: đồng/m²

Vị trí	Đơn giá
1	62.000
2	50.000
3	35.000
4	20.000
5	13.000

1.2- Bảng giá đất ở chi tiết:

 ĐVT: đồng/m²

TT	Địa phương, ranh giới	Vị trí	Hệ số	Đơn giá 2009
1	Ven trục đường Hồ Chí Minh			
	- Từ ranh giới huyện Đông Giang đến cầu Avuong I	4	0,9	18.000
	- Từ cầu Avuong I đến chân dốc trời	4	1,0	20.000
	- Từ chân dốc trời đến Hạt Quản lý đường bộ Tây Giang.	4	0,9	18.000
	- Từ Hạt Quản lý đường bộ đến ngã 3 rẽ lên Trung tâm huyện (Azút-Lăng)	1	1,2	74.000
	- Từ ngã 3 Azút cầu treo Bhlóc	3	1,2	42.000
	- Từ điểm đầu đường Azút-Lăng đến cầu Atép 2	4	1,0	20.000
	- Từ cầu Atép 2 đến ranh giới tỉnh Thừa Thiên Huế.	4	0,8	16.000
2	Ven trục đường Azút-Lăng-Axan			
	- Từ điểm đầu đường Azút-Lăng đến ngầm cầu Achiing.	4	0,9	18.000
	- Từ ngầm cầu Achiing đến trạm Y tế xã Atiêng	4	1,1	22.000
	- Từ trạm Y tế xã Atiêng đến giáp đường nội thị tại cây xăng Agrông.	3	1,2	42.000
	- Từ cầu Agrông đến cuối trường THPT Tây Giang.	2	1,1	55.000
	- Từ cuối trường THPT Tây Giang đến đèo Zozuom.	3	1,2	42.000
	- Từ đèo Zozuom đến cống Bhlàlừa.	3	1,1	38.500
	- Từ cống Bhlàlừa đến nhà Dung Cảnh xã Lăng .	3	1,0	35.000

	- Từ ngã ba cửa hàng lương thực xã Lăng (quán Sáu-Bảy) đến trạm TT-PLTH xã Lăng.	4	1,0	20.000
	- Từ trạm TT-PLTH xã Lăng đến Đồn BP Axan (649).	4	0,9	18.000
	- Từ Đồn BP Axan (649) đến UBND xã Ch'om.	4	0,8	16.000
	- Từ Đồn BP Axan (649) đến Đồn BP Gari (651).	5	1,2	16.000
3	Các tuyến đường trong khu nội thị			
	- Từ ngã 3 Kho bạc, Phòng Giáo dục đến Cơ quan quân sự huyện.	1	1,0	62.000
	- Từ nhà ông Phạm Ngọc Mười đến nhà ông Bhling Hú.	1	1,1	68.000
	- Từ nhà ông Bhling Hú qua khu dân cư B ₄ đến đường 20.5m.	1	0,9	56.000
	- Từ ngã 3 quán cafe ông Bình đến ngã 3 Ủy ban Mặt trận TQVN huyện.	1	1,0	62.000
	- Đường từ nhà ông Hồ Ngọc Huy vào khu dân cư B ₄ mở rộng.	1	0,8	50.000
	- Từ quán Dũng-Hà đến quán Hoàn- Thiện, dọc bờ kè sông Avuong đến Cơ quan quân sự huyện.	1	0,8	50.000
	- Trục đường khu dân cư quanh chợ.	1	1,0	62.000
	- Từ ngã 3 đường 27m theo đường 20.5m đến cầu Agrông.	1	1,2	74.000
	- Từ ngã 3 Bưu điện đến ngã 3 Huyện uỷ.	1	1,2	74.000
	- Từ đường 27m tại cây xăng Agrông đến Cơ quan quân sự huyện.	1	1,2	74.000
4	Khu Trung tâm các xã			
	- Khu Trung tâm xã Dang	4	0,9	18.000
	- Khu Trung tâm xã Tr'hy + Axan.	4	0,9	18.000
	- Khu Trung tâm xã Ch'om + Gari.	4	0,9	18.000
	- Các khu đất khác không thuộc Trung tâm các xã Avuong, Bhalêê, Atiêng, Anông, Lăng.	5	1,2	16.000
	- Các khu đất khác không thuộc Trung tâm xã Dang, Ch'om, Axan, Tr'hy, Gari.	5	1,1	14.000
5	Đường giao thông liên xã			
	- Từ cầu Atép 2 đến Đồn BP Anông (645)	4	1.0	20.000
	- Từ Đồn BP Anông (645) đến Trạm y tế xã Anông + 50m.	4	1.2	24.000
	- Từ Trạm y tế xã Anông + 50m đến đường Azích-Lăng.	3	0,8	28.000